

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2023

### 1

#### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 04/UBCK-GPHĐQLQ ngày 14 tháng 6 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 122/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303861449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh mới nhất ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam), là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2122/GP ngày 12 tháng 6 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép chấp thuận cho Công ty thực hiện kinh doanh bảo hiểm số 13TC/GCN ngày 20 tháng 5 năm 1999 do Bộ Tài chính cấp. Công ty mẹ đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 13 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và giấy phép kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC28/KDBH ngày 5 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào thời điểm 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 33 người (31 tháng 12 năm 2022: 33 người).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty đang thực hiện quản lý:

- Danh mục đầu tư của Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam)
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife
- Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife

### 2.

#### CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1

##### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính quý của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ

Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính quý được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2

##### Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.3

##### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

#### 2.4

##### Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.



Mẫu số B09 - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*QUÝ II NĂM 2023*

**3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính quý tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:  
Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114"). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
  - Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
  - Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.
- Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

Thông tư 24/2022/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về sửa đổi Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Theo đó, đối tượng lập dự phòng tồn thất các khoản đầu tư chứng khoán được quy định như sau:

- Đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp
- Đối tượng lập dự phòng nêu trên không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4.3 Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ không quá một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

**4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.  
Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ hoặc hạn của khoản nợ hoặc theo tồn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tính trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP.HCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ II NĂM 2023*

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng.  
Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**4.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.  
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.  
Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.  
Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.6 Thuế tài sản**

Các khoản tiền thuế theo hợp đồng thuế hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuế.

**4.7 Khấu hao**

Khấu hao thiết bị vận phòng được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là từ ba (3) đến năm (5) năm.

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc theo khoảng thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.10 Trợ cấp thời việc phải trả**

Trợ cấp thời việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc cho khoảng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty nhưng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà chưa được chi trả khoản Trợ cấp thời việc. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thời việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước thời gian này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.  
Khoản trợ cấp thời việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thời việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**4.11 Các quỹ**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định hiện hành như sau:

	Mức trích lập	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2023

Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.  
Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.  
Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Chủ sở hữu phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.  
Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thống báo bởi công ty mẹ.  
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

4.13 Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.  
Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.  
Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.  
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.  
Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2023

hoàn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
- công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản hoặc thu hồi tài sản trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.15. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá công với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá công với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán	13.760.447.965	28.006.905.493
- Ngân hàng Citibank N.A, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.232.446.785	24.903.150.404
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBCT (Việt Nam)	3.222.697.475	2.540.734.024
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	1.305.303.705	563.021.065
	<b>13.760.447.965</b>	<b>28.006.905.493</b>

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II NĂM 2023

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi tại ngân hàng		
- Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	199.526.404.751	146.755.188.051
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	84.389.293.385	92.324.747.851
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank)	78.367.945.995	84.066.148.225
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	23.686.327.875	46.285.178.403
- Ngân hàng BNP Paribas, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	23.074.897.357	30.381.851.098
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	7.500.000.000	24.588.174.952
- Ngân hàng DBS, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	100.511.170.236	22.150.109.771
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	40.851.270.942	-
	<b>557.907.310.541</b>	<b>446.551.398.351</b>

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và được hưởng lãi suất từ 4,60%/năm đến 8,80%/năm.

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục	26.349.729.245	21.971.087.911
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife	887.312.283	859.324.244
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư Cán bằng Manulife	262.084.936	261.313.854
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư	368.216.882	233.153.917
Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ	134.423.552	214.159.888
	<b>28.011.766.898</b>	<b>23.539.039.814</b>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn	16.476.834.714	9.373.456.494
Các khoản phải thu khác	5.259.860	124.615.860
	<b>16.482.094.574</b>	<b>9.498.072.354</b>

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II NĂM 2023

9.	TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH	-
	Thiết bị văn phòng VND	
Nguyên giá		
Số đầu năm	605.045.280	-
Số cuối kỳ	605.045.280	-
Trong đó:		
Tài sản đã khấu hao hết	505.582.680	
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số đầu năm	(570.884.623)	-
Khấu hao trong năm	(12.142.926)	
Số cuối kỳ	(583.027.549)	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	34.160.657	-
Số cuối kỳ	22.017.731	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.508.085.856	705.416.262
Tăng trong năm	364.167.008	1.606.736.567
Phân bổ trong năm	(449.329.680)	(800.513.649)
Xóa sổ	-	(3.553.324)
Số cuối năm	1.422.923.184	1.508.085.856

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Trong kỳ Phải trả VND	Đã nộp VND	Số cuối kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.969.156.107	26.732.457.000	(21.717.938.107)	14.983.675.000
Thuế thu nhập cá nhân	790.023.207	7.998.192.731	(8.079.947.508)	708.268.430
Thuế nhà thầu	278.751.252	182.329.801	(460.819.168)	261.885
Thuế giá trị gia tăng	109.091	366.580	-	475.671
	11.038.039.657	34.913.346.112	(30.258.704.783)	15.692.680.986



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Quý II năm 2023*

12.

**CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền thưởng	5.750.874.825	6.072.762.000
Chi phí tiếp thị	1.502.000.000	1.670.000.000
Chi phí dịch vụ tư vấn	625.000.000	1.084.007.916
Thuế nhà thầu phi dịch vụ	818.132.007	619.488.007
Chi phí hỗ trợ phản phối chứng chỉ quỹ	298.435.735	574.817.383
Phúc lợi nhân viên	484.313.000	402.860.000
Chi phí phải trả khác	488.999.999	224.999.999
	<b>9.947.755.566</b>	<b>10.648.935.305</b>

13.

**CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải trả các bên liên quan	8.107.454.081,0	6.156.190.755
Tiền thưởng cho quỹ đầu tư cấp cao	1.268.634.970	2.163.495.909
Khác	24.144.308	27.904.307
	<b>9.400.233.359</b>	<b>8.347.590.971</b>

14.

**VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Theo Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-LUBCK VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn đóng góp VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	83.000.000.000	100	83.000.000.000

15.

**DOANH THU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	150.280.286.298	128.064.419.561
Phí quản lý Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife	5.475.078.614	6.251.397.766
Phí quản lý Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife	1.579.819.145	1.851.031.844
Phí dịch vụ tư vấn đầu tư	135.578.504	-
Phí thu từ các giao dịch mua/bán chứng chỉ quỹ	794.840.079	6.533.730.287
	<b>158.285.602.640</b>	<b>142.700.579.458</b>



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ II NĂM 2023*

**16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.158.989.457	12.449.269.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.479.240.248	1.399.245.154
Thuế văn phòng	322.296.018	387.982.303
Chi phí bảo hiểm	127.814.778	133.861.208
Chi phí khấu hao	3.311.706	4.038.434
Chi phí khác	646.320.960	414.498.477
	<b>17.737.973.167</b>	<b>14.788.895.524</b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi	15.493.782.052,00	6.209.630.406
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
	<b>15.493.782.052</b>	<b>6.209.630.406</b>

**18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.845.023.360,00	11.672.597.501
Chi phí hỗ trợ phân phối chứng chỉ quỹ	994.815.750,00	8.010.162.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.147.907.911,00	2.307.601.422
Chi phí tiếp thị	581.504.540,00	1.308.788.913
Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	1.320.339.693,00	1.134.597.127
Chi phí dịch vụ IT	739.559.197,00	929.187.801
Thuế văn phòng	859.456.056,00	778.618.169
Chi phí bảo hiểm	340.839.408,00	270.213.751
Chi phí khấu hao	8.831.220,00	8.104.492
Chi phí khác	1.206.854.122,00	508.212.420
	<b>22.045.131.257</b>	<b>26.928.083.953</b>

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016.  
Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán thuế.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ II NĂM 2023*

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.732.457.000	20.496.355.000
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 19.3)	119.494.872	959.379.468
	<b>26.851.951.872</b>	<b>21.455.734.468</b>

**19.1 Chi phí Thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	133.945.873.627	107.059.659.207
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2022: 20%)	26.789.175.369	21.411.931.841
Điều chỉnh tăng:		
Các khoản phạt	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	62.776.503	43.802.627
Chi phí thuế TNDN ước tính	26.851.951.872	21.455.734.468
Chi phí thuế TNDN	<b>26.851.951.872</b>	<b>21.455.734.468</b>

**19.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản bao gồm các khoản phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**19.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Số đầu năm	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
	VND	VND	VND	VND
Chi phí phải trả	1.989.551.000	2.129.787.061	(140.236.061)	(959.172.918)
Trợ cấp thời việc	145.944.000	125.202.811	20.741.189	(206.550)
	<b>2.135.495.000</b>	<b>2.254.989.872</b>	<b>(119.494.872)</b>	<b>(959.379.468)</b>

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Quý II năm 2023*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022				
			VND		VND				
Bên liên quan	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	Phí quản lý danh mục đầu tư	150.280.286.298		128.064.419.561				
		Trả chi phí thuê văn phòng	1.181.752.074		1.166.600.472				
		Trả chi phí dịch vụ	1.149.452.412		1.021.049.725				
	Quý đầu tư Cổ phiếu Manulife ("MAFEQI")	Bên liên quan	Phí quản lý quỹ	5.475.078.614		6.251.397.766			
	Quý đầu tư Cân bằng Manulife ("MAFBAL")	Bên liên quan	Phí quản lý quỹ	1.579.819.145		1.851.031.844			
	Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí dịch vụ chi hộ	82.928.357		57.313.211			
			Chi phí dịch vụ IT	668.217.197		836.093.070			
	John Hancock Life Insurance Company (U.S.A)	Bên liên quan	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	393.702.035		334.126.923			
	The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	799.335.658		673.984.057			
	Manulife Investment Management (Hong Kong) Limited	Bên liên quan	Chi phí dịch vụ chi hộ	-		-			
		Phí dịch vụ tư vấn đầu tư	135.578.504		-				
Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:									
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm phải thu/ (Phải trả)		Số đầu năm phải thu/ (Phải trả)				
			VND		VND				
			Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	26.349.729.245		21.971.087.911		
			Quý đầu tư Cổ phiếu Manulife ("MAFEQI")	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	897.312.283		859.324.244	
			Quý đầu tư Cân bằng Manulife ("MAFBAL")	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	262.084.936		261.313.854	
Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao	Phải trả phí dịch vụ chi hộ và phí dịch vụ IT	(4.095.411.318)		(3.335.513.336)				





Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Quý II năm 2023

Manulife Data Service, Inc	Bên liên quan	Phải trả phí dịch vụ thiết kế Khóa học online về Nội quy lao động	(11.505.200)	(11.513.530)
John Hancock Life Insurance Company (U.S.A)	Bên liên quan	Phải trả phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	(1.232.853.291)	(843.435.870)
The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao	Phải trả phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản và chi phí dịch vụ chi hỗ	(2.767.684.272)	(1.965.728.019)
Manulife Investment Management (Hong Kong) Limited	Bên liên quan	Phải thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư	368.216.882	233.153.917

21.	TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐÀU TƯ ỦY THÁC		Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (i)	2.024.157.884.814	2.960.511.626.725		
Quỹ MAFEQI (ii)	3.254.025.418	24.242.071.952		
Quỹ MAFBAL (iii)	10.245.613.539	11.435.824.858		
Quỹ MAFPF1 (iv)	253.381.243	253.381.243		
	2.037.910.905.014	2.996.442.904.778		

(i) Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)  
Cho kỳ kế toán kết thúc  
ngày 30 tháng 06 năm 2023  
VND Năm trước  
VND

Số đầu năm	2.960.511.626.725	11.553.959.471.166
Tăng trong kỳ	19.408.800.901.049	52.907.751.566.369
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	6.892.250.305.385	17.664.309.255.985
Triển thu từ nhà đầu tư ủy thác	6.273.014.969.830	16.555.000.365.598
Triển lãi, cổ tức, và tiền lãi khác	6.243.535.625.834	18.688.442.044.786
Giảm trong kỳ	(20.345.154.642.960)	(61.501.199.510.810)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(13.433.538.086.861)	(37.130.316.596.618)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(2.238.213.000.490)	(9.746.745.572.651)
Chi phí và tiền giảm khác	(4.673.403.555.609)	(14.624.137.341.541)
Số cuối kỳ	2.024.157.884.814	2.960.511.626.725

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mã số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II NĂM 2023

(ii) Quỹ MAFEQI

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND	Năm trước VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>24.242.071.952</b>	<b>46.175.955.864</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>283.580.532.241</b>	<b>1.863.462.645.642</b>
Nhận tiền từ bán chứng khoán	173.924.098.777	504.660.469.230
Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ	14.931.104.350	436.019.206.163
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	94.725.329.114	922.772.392.530
Nhận từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI với vai trò là Đại lý ký danh	-	10.577.719
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>(304.568.578.775)</b>	<b>(1.885.396.529.554)</b>
Thanh toán mua chứng khoán	(139.281.975.084)	(782.087.008.433)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	(71.197.255.287)	(161.263.546.515)
Chi phí và tiền giảm khác	(94.089.348.404)	(942.035.396.887)
Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh	-	(10.577.719)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.254.025.418</b>	<b>24.242.071.952</b>

(iii) Quỹ MAFBAL

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 VND	Năm trước VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>11.435.824.858</b>	<b>75.049.862.483</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>171.940.666.907</b>	<b>436.362.269.300</b>
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	77.244.929.004	180.250.440.887
Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ	15.694.595.561	60.189.219.139
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	62.171.529.650	155.007.395.293
Tiền gửi của nhà đầu tư quỹ MAFBAL trong năm với vai trò là Đại lý ký danh (*)	12.494.400.000	30.243.069.998
Nhận từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh	4.335.212.692	10.672.143.983
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>(173.130.878.226)</b>	<b>(495.976.306.925)</b>
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(92.009.262.860)	(273.691.579.640)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	(28.667.960.954)	(49.204.477.130)
Chi phí và tiền giảm khác	(34.976.041.720)	(135.202.265.174)
Mua chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh	(13.142.400.000)	(31.205.840.998)
Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh	(4.335.212.692)	(10.672.143.983)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.245.613.539</b>	<b>11.435.824.858</b>

(\*) Trong năm, Công ty với vai trò là Đại lý ký danh đã nhận các khoản tiền gửi của các nhà đầu tư với số tiền là 12.494.400.000 VND với cùng mục đích là mua chứng chỉ quỹ MAFBAL.

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II NĂM 2023

(iv) Quỹ MAFPF1 (**)	Cho kỳ kế toán kết thúc	
	ngày 30 tháng 06 năm 2023	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	253.381.243	449.742.378
Giảm trong kỳ	-	(196.361.135)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	-	(196.361.135)
Số cuối kỳ	253.381.243	253.381.243

Tại ngày lập báo cáo này, Quỹ đã ngừng hoạt động.

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (i)	100.218.830.808.159	84.312.300.698.215
Quỹ MAFEQI (ii)	622.781.319.900	595.212.622.100
Quỹ MAFBAL (iii)	260.444.156.018	253.917.543.138
	101.102.056.284.077	85.161.430.863.453

(i) Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chứng khoán vốn	15.414.616.224.250	11.986.433.481.550
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:		
VHM	596.123.000.000	547.944.864.000
SAB	508.416.000.000	490.686.000.000
MBB	286.516.800.000	459.548.820.000
VRE	452.386.680.000	449.614.490.400
VPB	377.150.000.000	413.312.270.900
ACB	-	413.229.085.200
VNM	492.527.000.000	394.959.000.000
HPG	68.906.714.400	335.431.008.000
TCB	575.830.000.000	320.798.500.000
GAS	625.341.300.000	308.976.150.000
DGC	215.351.796.000	306.905.871.400
MWG	5.767.560.000	306.535.086.000
CTG	-	204.375.000.000
DPM	76.450.000.000	180.390.000.000
GMD	-	186.164.000.000
BWE	168.599.200.000	165.825.000.000



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II NĂM 2023

VHC	270.790.000.000	158.634.460.000
STB	-	139.052.250.000
DGW	8.320.000.000	124.575.000.000
TPB	142.560.774.000	116.618.999.750
PHR	8.078.240.000	108.125.420.000
MSN	-	102.300.000.000
V/C	206.550.000.000	91.460.000.000
SSI	-	81.043.290.900
DRC	73.929.795.000	80.712.860.000
PTB	10.311.693.000	79.499.384.000
GVR	7.760.000.000	61.986.094.800
TLG	-	48.450.000.000
VGC	85.200.000.000	37.180.000.000
DHC	51.075.920.000	36.286.640.000
CTR	-	25.200.000.000
NLG	-	18.600.000.000
FPT	-	15.267.341.500
BID	-	9.476.300.000
ACV	7.350.000.000	8.460.000.000
BHN	6.368.355.000	6.665.400.000
REE	3.276.626.000	3.124.550.000
BCM	95.040.000.000	-
PNJ	41.250.000.000	-
PVS	81.000.000.000	-
KBC	8.805.000.000	-
IDC	25.440.000.000	-
Chứng khoán khác	401.600	401.600
<b>Chứng khoán nợ</b>	<b>72.096.285.717.156</b>	<b>58.356.113.311.065</b>
Trong đó, các chứng khoán bị		
suy giảm giá trị		
VIETGB	12.889.698.168.290	17.364.615.570.781
VDBGB	9.583.792.279.340	12.731.674.535.000
LPBVN	1.219.858.203.600	1.219.699.036.700
HDBVN	849.869.751.500	949.867.263.000
EVNFIN	929.989.100.400	929.989.277.100
HOANMC	914.937.171.750	914.937.066.700
PANGRO	844.942.734.350	844.943.275.150
NALIIN	509.996.491.200	779.391.738.300
CIIVN	704.968.275.000	704.971.800.000
ACBVN	609.801.798.800	609.975.002.200
MSNVN	599.925.582.000	599.922.012.000
HPEJSC	529.994.233.600	529.993.274.300
REEVN	507.979.923.840	507.980.193.080

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Quý II năm 2023*

TRUHAI	479.887.430.400	479.688.513.600
MACHVN	419.967.912.000	419.967.576.000
SEACBK	349.942.418.000	349.921.047.000
OCJSBK	334.993.675.200	334.900.967.300
VICVN	299.973.726.000	299.973.996.000
VHNVN	227.864.422.072	233.893.356.178
TNDLWP	95.131.093.750	109.426.350.000
BECINV	99.931.100.000	99.995.800.000
TRUNAM	99.542.064.000	99.143.757.000
HDBVN	99.996.052.000	-
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>12.707.928.866.753</b>	<b>13.969.753.905.600</b>
	<b>100.218.830.808.159</b>	<b>84.312.300.698.215</b>

(ii)

	Quý I/AFEQI		Số đầu năm
	Số cuối kỳ	VND	VND
<b>Chứng khoán vốn</b>	<b>622.781.319.900</b>		<b>595.212.522.100</b>
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:			
MMWG	21.650.000.000		43.947.789.600
CTG	28.025.000.000		30.574.445.500
ACB	-		29.904.734.700
REE	27.384.000.000		29.646.402.500
GMD	-		26.808.700.000
MBB	31.253.904.600		25.289.583.300
CTR	-		20.951.280.000
DGW	-		20.551.100.000
VIB	-		17.670.000.000
SAB	11.948.544.000		12.983.151.000
BWE	4.400.000.000		11.706.750.000
KDH	7.401.240.000		9.382.007.000
VGC	-		6.070.480.000
PTB	-		3.951.170.000
TCB	-		3.360.500.000
VPB	-		886.050.000
PNJ	27.750.000.000		-
VRE	5.874.560.000		-
VCI	1.098.000.000		-
NT2	1.196.000.000		-
CTD	737.230.000		-
ACV	4.042.500.000		-
KBC	2.174.835.000		-
NTP	1.518.750.000		-
Chứng khoán khác	-		-
	<b>622.781.319.900</b>		<b>595.212.522.100</b>

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II NĂM 2023

(iii)		Quỹ MAFBAL	Số đầu năm
		Số cuối kỳ	VND
		VND	122.747.531.500
<b>Chứng khoán vốn</b>			
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị			
MMG	4.330.000.000		12.235.938.000
REE	-		8.158.150.000
CTG	5.902.950.000		7.321.584.500
VHC	-		7.196.380.000
ACB	-		6.047.159.400
CTR	-		5.544.000.000
DGW	-		5.285.000.000
GMD	-		5.209.196.000
VIB	-		3.505.500.000
TCB	-		3.102.000.000
MBB	-		2.823.210.000
PNJ	5.625.000.000		-
VRE	1.072.000.000		-
BWE	660.000.000		-
GAS	4.715.100.000		-
MSN	1.534.080.000		-
BID	3.199.230.000		-
CIJ	364.000.000		-
VCI	490.440.000		-
ACV	735.000.000		-
NTP	1.001.250.000		-
Chứng khoán khác	-		-
<b>Chứng khoán nợ</b>		<b>71.598.523.068</b>	<b>79.069.457.315</b>
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị			
VHMVN	11.735.862.518		12.046.374.976
MSNVN	13.999.650.000		-
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>52.000.000.000</b>		<b>52.100.554.323</b>
	<b>260.444.156.018</b>		<b>253.917.543.138</b>
<b>CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC</b>			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
<b>23.</b>			
Phải thu lãi trái phiếu, cổ tức và lãi tiền gửi			
Phải thu bán chứng khoán	1.989.038.819.384		1.323.077.559.085
Khác	56.408.149.666		375.815.430
	11.457.893.699		-
	<b>2.056.904.862.749</b>		<b>1.323.453.374.515</b>



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II NĂM 2023

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ VND	Số cuối năm VND
Phải trả phí khác	1.971.652.024	2.587.585.172
Phải trả tiền mua chứng khoán	1.616.726.458	3.656.361.326
	<b>3.588.378.482</b>	<b>6.243.946.498</b>

25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuế vận phòng theo hợp đồng thuế hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Dưới 1 năm	2.339.614.740	2.349.713.550
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	8.779.113.564	9.950.766.828
	<b>11.118.728.304</b>	<b>12.300.480.378</b>

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nổi trên như sau:

26.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị trường. Giá trị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nắm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Rủi ro về tỷ giá ngoại tệ của Công ty không lớn vì phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam và các khoản nợ tài chính bằng ngoại tệ chỉ phát sinh với các bên liên quan và có giá trị không trọng yếu.

26.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*QUÝ II NĂM 2023*

**26.3** *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.  
Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở không chiết khấu.

	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.760.447.965	-	-	-	13.760.447.965
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	132.015.872.301	425.891.438.240	-	-	557.907.310.541
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	28.011.766.898	-	-	-	28.011.766.898
Các khoản phải thu khác	6.499.395.097	9.977.439.617	-	-	16.476.834.714
	<b>180.287.482.261</b>	<b>435.868.877.857</b>	-	-	<b>616.156.360.118</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.107.454.081	-	-	-	8.107.454.081
Chi phí phải trả	3.559.980.741	636.900.000	-	-	4.196.880.741
	<b>11.667.434.822</b>	<b>636.900.000</b>	-	-	<b>12.304.334.822</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.006.905.493	-	-	-	28.006.905.493
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	98.836.693.134	347.714.705.217	-	-	446.551.398.351
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	23.539.039.814	-	-	-	23.539.039.814
Các khoản phải thu khác	2.955.095.849	6.418.360.645	-	-	9.373.456.494
	<b>153.337.734.290</b>	<b>354.133.065.862</b>	-	-	<b>507.470.800.152</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	6.156.190.755	-	-	6.156.190.755
Chi phí phải trả	3.956.685.298	619.488.007	-	-	4.576.173.305
	<b>3.956.685.298</b>	<b>6.775.678.762</b>	-	-	<b>10.732.364.060</b>

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)  
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM  
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II NĂM 2023

TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.760.447.965	28.006.905.493	13.760.447.965	28.006.905.493
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	557.907.310.541	446.551.398.351	557.907.310.541	446.551.398.351
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	28.011.766.898	23.539.039.814	28.011.766.898	23.539.039.814
Các khoản phải thu khác	16.476.834.714	9.373.456.494	16.476.834.714	9.373.456.494
	<b>616.156.360.118</b>	<b>507.470.800.152</b>	<b>616.156.360.118</b>	<b>507.470.800.152</b>

Nợ phải trả tài chính

Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.107.454.081	6.156.190.755	8.107.454.081	6.156.190.755
Chi phí phải trả	4.196.880.741	4.576.173.305	4.196.880.741	4.576.173.305
	<b>12.304.334.822</b>	<b>10.732.364.060</b>	<b>12.304.334.822</b>	<b>10.732.364.060</b>

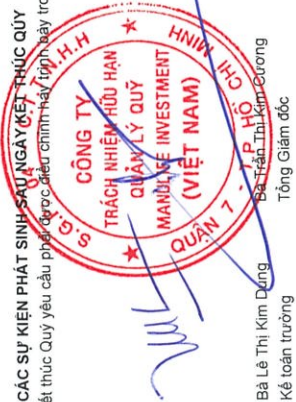
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.  
Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC QUÝ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc Quý yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh  
Người lập



Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 7 năm 2023